

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh công trình, dự án thực hiện năm 2024 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Công văn số 4343/UBND-KT ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục bổ sung công trình, dự án thực hiện năm 2024 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 209/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh công trình, dự án thực hiện năm 2024 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

1. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phải thu hồi đất là 09 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 94,05 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 3,55 ha;

- Đất rừng phòng hộ: 0,06 ha;
- Đất khác: 90,45 ha.

(Đính kèm Phụ lục I)

2. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện phải thu hồi đất là 11 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 10,81 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 3,00 ha;
- Đất khác: 7,81 ha.

(Đính kèm Phụ lục II)

3. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn doanh nghiệp, đầu tư qua ngành, mời gọi đầu tư phải thu hồi đất là 20 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 129,74 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 8,69 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 2,48 ha;
- Đất khác: 118,57 ha.

(Đính kèm Phụ lục III)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐTBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

Phụ lục I
DANH MỤC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2024 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Vốn Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh)

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 01 công trình, dự án)									
1	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (địa phận tỉnh Tiền Giang) (đề thi công hạng mục: Nâng cao độ võng đường dây 110kV Cai Lậy - Mỹ Tho 2)	Xã Phước Thạnh	0,0025			0,0025	0,30		
			0,0025			0,0025	0,30	Ngân sách trung ương	Bổ sung mới
II. Thị xã Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)									
1	Đường huyện 61	Xã Long Khánh	7,71	1,55		6,16	20,85		
			7,71	1,55		6,16	20,85	Ngân sách tỉnh	Bổ sung mới
III. Huyện Châu Thành (Có 01 công trình, dự án)									
1	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (địa phận tỉnh Tiền Giang) (đề thi công hạng mục: Nâng cao độ võng đường dây 110kV Cai Lậy - Mỹ Tho 2)	Xã Thạnh Phú	0,0025			0,0025	0,3		
			0,0025			0,0025	0,30	Ngân sách trung ương	Bổ sung mới
IV. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)									
1	Khu dân cư xung quanh Khu công nghiệp Tân Phước 1	Xã Tân Lập 1	48,00			48,00			
			48,00			48,00		Ngân sách tỉnh	Bổ sung mới
V. Huyện Chợ Gạo (Có 01 công trình, dự án)									
1	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Chợ Gạo (giai đoạn 1) (Khu hành chính huyện Chợ Gạo) Tổng diện tích thực hiện: 17,17 ha (đất công: 12,13 ha; đất GPMB của dân: 5,04 ha)	Xã Long Bình Điền	17,17			17,17	94,74		
			17,17			17,17	94,74	Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh tên gọi, diện tích từ 12,10ha thành 17,17ha, kinh phí BT, GPMB thành 94,74 tỷ so với NQ số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
VI. Huyện Gò Công Tây (Có 01 công trình, dự án)									
			11,19	2,00		9,19			



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
1	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	Các xã: Vĩnh Hựu, Long Bình, Bình Tân	11,19	2,00		9,19		Ngân sách trung ương và Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh diện tích từ 4,66ha thành 11,19ha (đất lúa từ 4,66ha thành 2ha) so với NQ số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
VII. Huyện Gò Công Đông (Có 03 công trình, dự án)			9,98		0,06	9,92	67,00		
1	Bến cập tàu Hải đội 2	Thị trấn Vàm Láng	0,195		0,055	0,140	10,00	Ngân sách trung ương	Điều chỉnh diện tích từ 0,09ha thành 0,195ha (đất rừng phòng hộ từ 0,04ha thành 0,055ha) so với NQ số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
2	Xói lở bờ biển Gò Công (Đoạn từ Cầu Rạch Bùn đến Đền Đỏ), huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Các xã: Tân Điền, Tân Thành	9,55			9,55	3,00	Ngân sách trung ương và địa phương	Tên trong QHSDĐ 2030, KHSDĐ năm 2024 chỉ có địa điểm ở Tân Thành; theo TB số 163/TB-VPKP ngày 15/4/2024 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Tiền Giang có nội dung về việc hỗ trợ vốn đầu tư đoạn đê biển còn lại (6,8km) trên địa bàn huyện Gò Công Đông
3	Kè phía Tây sông Long Uông (đoạn cầu Tân Hòa đến cầu Nguyễn Văn Côn)	Thị trấn Tân Hòa	0,23			0,23	54,00	Ngân sách tỉnh	Bổ sung mới
9	TỔNG CỘNG		94,05	3,55	0,06	90,45	183,19		

Phụ lục II
DANH MỤC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2024 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Vốn Ngân sách huyện)

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
I. Thành phố Gò Công (Có 01 công trình, dự án)								
1	Công viên Đồng Khởi	Phường 1	0,86			0,86		
II. Thị xã Cai Lậy (Có 07 công trình, dự án)								
1	Cầu qua Kênh Bà Trà đường Bắc Kênh Ngang	Xã Phú Quý	9,80	3,00		6,80	229,53	Bổ sung mới
2	Trường TH và THCS Thanh Hòa (thu hồi đất bổ sung đường vào trường)	Xã Thanh Hòa	0,05			0,05	6,65	Bổ sung mới
			0,05			0,05	2,39	Bổ sung mới
3	Trường THCS Vô Việt Tân	Phường Nhị Mỹ	1,20	1,05		0,15	18,44	Điều chỉnh lại tổng mức đầu tư từ 15,5 tỷ thành 18,44 tỷ so với NQ 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
4	Trường TH và THCS Mỹ Hạnh Trung	Xã Mỹ Hạnh Trung	0,30	0,30			2,35	Điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 1,5 tỷ thành 2,346 tỷ so với NQ 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
5	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây	Xã Mỹ Phước Tây	2,00	1,45		0,55	70,60	Điều chỉnh lại tổng mức đầu tư từ 35 tỷ thành 70,6 tỷ so với NQ 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
6	Khu Tái định cư	Các phường: 4, Nhị Mỹ	6,00			6,00	127,10	Điều chỉnh lại tổng mức đầu tư từ 116,0 tỷ thành 127,097 tỷ so với NQ 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
7	Trụ sở Công an xã Mỹ Hạnh Đông	Xã Mỹ Hạnh Đông	0,20	0,20			2,00	Điều chỉnh lại tổng mức đầu tư từ 1,0 tỷ thành 2,0 tỷ so với NQ 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang

2

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
III. Huyện Cái Bè (Có 02 công trình, dự án)			0,05			0,05	2,65	
1	Trụ sở ấp văn hóa Hậu Hoa	Xã Hậu Thành	0,03			0,03	2,20	Bổ sung mới
2	Nhà văn hóa ấp 4	Xã Tân Hưng	0,02			0,02	0,45	Bổ sung mới
IV. Huyện Chợ Gạo (Có 01 công trình, dự án)			0,10			0,10	1,00	
1	Trụ sở Công an xã Bình Ninh (mở rộng)	Xã Bình Ninh	0,10			0,10	1,00	Bổ sung mới
11	TỔNG CỘNG		10,81	3,00		7,81	233,18	



Phụ lục III
DANH MỤC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2024 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Vốn doanh nghiệp, đầu tư qua ngành, mời gọi đầu tư)

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 01 công trình, dự án)			0,66	0,41		0,25	13,71		
1	Trạm 110kV Tân Mỹ Chánh và đường dây đấu nối	Xã Tân Mỹ Chánh	0,66	0,41		0,25	13,71	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên và diện tích (từ 0,65ha thành 0,66ha) so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
II. Thành phố Gò Công (Có 03 công trình, dự án)			11,68	6,99		4,69	245,14		
1	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông	10,30	6,04		4,26	102,51	Vốn doanh nghiệp	Điều chỉnh nguồn vốn từ ngân sách thị xã thành vốn doanh nghiệp so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
2	Lộ ra 110kV trạm (TBA) 220kV Gò Công	Phường Long Chánh, xã Bình Xuân	0,50	0,37		0,13	17,63	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
3	Mở rộng Nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia	Phường Long Hưng	0,88	0,58		0,30	125,00	Vốn doanh nghiệp	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
III. Thị xã Cai Lậy (Có 02 công trình, dự án)			35,75			35,75	1.010,00		
1	Đường số 4 và Khu dân cư hai bên đường (Đường số 4 và khu dân cư 02 bên đường)	Các phường: 4, Nhị Mỹ, xã Long Khánh	18,30			18,30	300,00	Vốn doanh nghiệp	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
2	Đường số 1 và Khu dân cư hai bên đường (Đường số 1 và khu dân cư 02 bên đường)	Các phường: 4, 5, xã Long Khánh	17,45			17,45	710,00	Mời gọi đầu tư	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
IV. Huyện Châu Thành (Có 03 công trình, dự án)			2,81	0,60		2,21	41,25		
1	Trạm biến áp 220kV Tân Phước (Cái Bè) và đường dây đầu nối	Các xã: Tân Hương, Tân Hội Đông	1,04	0,25		0,79	11,76	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên và diện tích (từ 1,16ha thành 1,04ha) so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
2	Lộ ra 110kV trạm 220kV Cái Bè (tại vị trí huyện Tân Phước) (Đường dây 2 mạch chuyển tiếp vào đường dây Mỹ Tho 2 - Tân Hương - Long An)	Các xã: Tân Hội Đông, Tân Hương	0,65	0,30		0,35	5,78	Vốn ngành điện	Bổ sung mới
3	Trạm 110kV Châu Thành và đường dây đầu nối	Các xã: Song Thuận, Nhị Bình, Đông Hòa, Long Hưng, Vĩnh Kim	1,12	0,05		1,07	23,72	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
V. Huyện Tân Phước (Có 05 công trình, dự án)			20,60	0,65		19,95	709,65		
1	Nhà máy xử lý rác Tân Lập 1 (Nhà máy xử lý chất thải rắn Tân Lập 1)	Xã Tân Lập 1	13,66			13,66		Mời gọi đầu tư	Bổ sung mới
2	Trạm biến áp 220kV Tân Phước (Cái Bè) và đường dây đầu nối	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	5,33	0,34		4,99	689,00	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên và diện tích (từ 5,50ha thành 5,33ha; trong đó đất lúa từ 1,40ha thành 0,34ha) so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
3	Lộ ra 110kV trạm 220kV Cái Bè (tại vị trí huyện Tân Phước) (Đường dây 2 mạch chuyển tiếp vào đường dây Mỹ Tho 2 - Tân Hương - Long An)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	0,43	0,13		0,30	4,91	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
4	Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Tân Phước 1 và đường dây 110kV đấu nối Tr.110kV Khu công nghiệp Tân Phước 1	Xã Tân Lập 1	0,99			0,99	14,70	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên và diện tích (từ 0,50ha thành 0,99ha) so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
5	Lộ ra 110kV trạm 220kV Cái Bè (tại vị trí huyện Tân Phước) (Đường dây 4 mạch chuyển tiếp trên đường dây 02 mạch KCN Tân Phước 1 – trạm 110kV Tân Phước – Phú Cường – Mỹ Hội – Mỹ Thuận)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 2	0,19	0,18		0,01	1,04	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
VI. Huyện Cai Lậy (Có 02 công trình, dự án)			51,00			51,00			
1	Đường kết nối vào/ra giữa Trạm dừng nghỉ và đường Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Xã Phú Nhuận	1,00			1,00		Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
2	Cụm Công nghiệp Long Trung	Xã Long Trung	50,00			50,00		Mời gọi đầu tư	Bổ sung mới
VII. Huyện Chợ Gạo (Có 01 công trình, dự án)			0,71			0,71	23,50		
1	Trạm biến áp 110kV Thanh Bình và đường dây 110kV đấu nối Tr.110kV Thanh Bình	Các xã: Song Bình, Thanh Bình	0,71			0,71	23,50	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
VIII. Huyện Gò Công Tây (Có 01 công trình, dự án)			0,04	0,04			0,23		
1	Lộ ra 110kV trạm (TBA) 220kV Gò Công	Xã Thành Công	0,04	0,04			0,23	Vốn ngành điện	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
IX. Huyện Gò Công Đông (Có 02 công trình, dự án)			6,49		2,48	4,01	200,92		
1	Mương thay thế kênh Mương Cai	Xã Gia Thuận	0,73		0,73		0,92	Vốn doanh nghiệp	Bổ sung mới
2	Bến phà biển Cần Giở - Vàm Láng	Thị trấn Vàm Láng	5,76		1,75	4,01	200,00	Mời gọi đầu tư	Điều chỉnh tên so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tiền Giang
20	TỔNG CỘNG		129,74	8,69	2,48	118,57	2.244,41		